

## ĐỘNG LỰC – YẾU TỐ KHÔNG THỂ THIẾU TRONG QUÁ TRÌNH DẠY VÀ HỌC NGHỀ

ThS. Phạm Thị Nguyệt Ánh

Tôi 22 tuổi, ra trường, “ngơ ngác” đi dạy Ngoại ngữ tại một trường dạy Nghề. Chân ướt chân ráo vào nghề “gỡ đầu trẻ”, những buổi đầu đi làm đã được các anh chị đồng nghiệp “to nhỏ dặn dò” vài bí kíp để khỏi bị sinh viên “bắt nạt”:

*“Dạy ngữ pháp vừa thôi em ạ, tụi nó không hiểu, chán học đó!”*

*“Lớp đó có nhiều “thành phần phức tạp” lắm đó nghe, toàn đi học trễ và ngủ gục trong lớp, em phải thật “dữ” vào!”*

Tôi hoang mang tự hỏi “*học sinh học nghề ý thức kém vậy sao?*”. Đi dạy một thời gian mới biết: họ thiếu động lực.

*“Mấy đứa đó đi học để trốn nghĩa vụ chứ thiết tha gì chuyện học!”* hay phân trần của một “cậu” sinh viên hay ngủ gật trong lớp *“Em thích học ngành khác mà nhà em mở nhà hàng, ba mẹ kêu em đi học để sau này ra trường khỏi mất công kiếm việc”*. Sinh viên trường nghề, họ có cùng chung đích đến nhưng động lực và lý do thì vô cùng khác nhau. Việc tìm hiểu động lực học tập của sinh viên do đó, với tôi, trở nên vô cùng quan trọng và cấp thiết; nó như chiếc chìa khoá vàng mở ra sự hợp tác và thành công của quá trình dạy và học.

Vậy động lực là gì? Nó có vai trò và tác động như thế nào đến quá trình học tập, đặc biệt là học Nghề trong thời đại hiện nay? Động lực do bản thân người học tự tạo nên hay có chịu tác động từ bên ngoài hay không? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu và luận giải đôi điều để làm rõ tầm quan trọng của nó.

### Khái niệm động lực

Cho đến nay, không có một định nghĩa, khái niệm chung, duy nhất nào về động lực mà tồn tại rất nhiều những quan điểm, định

nghĩa và khái niệm khác nhau. Tùy từng góc tiếp cận khác nhau mà các nhà nghiên cứu đưa ra những cái nhìn riêng khác nhau.

Ví dụ như dưới góc độ của nhà tâm lý học người Mỹ - John Atkinson - Người đi đầu trong nghiên cứu về động lực của con người thì “động lực” là *“một nhóm các yếu tố kích hoạt hành vi và đưa ra hướng”*.

Còn theo Fernald L.D, khái niệm động lực được luận giải thông qua mối quan hệ giữa cảm xúc, động cơ và định hướng như sau: *“Trong khi cảm xúc dùng để chỉ trạng thái chung chung của con người thì động lực lại mang ý nghĩa mục tiêu và định hướng, có thể liên quan đến việc tăng hoặc giảm đi trạng thái cảm xúc”*.

Hay học giả Madsen lại đưa ra một khái niệm rất ngắn gọn: *“Động lực – đó chính là động cơ thúc đẩy hành vi”*.

Động lực (Motivation) là động cơ (motive) thúc đẩy hành động của con người. Nó cung cấp sinh lực và hướng con người vào những hành vi có mục đích; là yếu tố giúp bạn đi đến hành động hay lựa chọn nào đó. Về cơ bản, trong các định nghĩa động lực, chúng ta nhận thấy luôn có sự xuất hiện của 03 cụm từ: động cơ - motive, định hướng - drive và cảm xúc - motion.

Tóm lại, động lực có thể được hiểu là sự thúc đẩy từ bên trong của chủ thể (người học) hoặc do sự tác động từ bên ngoài tới chủ thể khiến họ tự nguyện nỗ lực, phấn đấu đạt được mục tiêu với kết quả tốt nhất

Có 3 yếu tố cơ bản cấu thành nên động lực, tương ứng với 3 giai đoạn hình thành nên động lực là: Kích hoạt, Kiên trì và Nỗ lực cao.

Kích hoạt là quyết định bắt đầu một hành vi nào đó. Đây là bước đầu tiên, đặt ra mục tiêu cho hành động của chủ thể. Ví dụ như một sinh viên muốn học thật tốt một môn học.

Kiên trì là những nỗ lực liên tiếp nhằm hướng đến đạt được mục tiêu đã đặt ra ở bước kích hoạt dù cho có gặp phải trở ngại, khó khăn. Tiếp tục với ví dụ vừa nêu ra, giai đoạn “Kiên trì” được đánh dấu bằng việc sinh viên đó giảm bớt thời gian giải trí, vui chơi với bạn bè, thay vào đó là thời gian tự học thêm kiến thức liên quan đến môn học thông qua các hoạt động như đọc sách báo, tài liệu, xem các video hướng dẫn trên mạng internet; tự luyện tập nhiều lần các kỹ năng cần nắm vững mà không quản ngại thất bại, quyết theo đuổi mục tiêu đến cùng. Giai đoạn này đòi hỏi sự quyết tâm cao đồng thời cũng là giai đoạn dễ thất bại và bỏ cuộc nhất nếu bạn không thực sự cố gắng.

Nỗ lực cao có thể thấy ở sự tập trung và sự hăng say trong quá trình theo đuổi mục tiêu. Bạn sinh viên trong ví dụ ở trên không ngừng cập nhật thông tin, kiến thức mới liên quan đến môn học, tham khảo nhiều kênh thông tin, tự tìm tòi học hỏi và sáng tạo thêm. Việc học giờ đã thành niềm vui, sở thích và đam mê của bạn; mục tiêu đã nằm trong tầm với và nỗ lực của bạn đã được đền đáp bằng những thành tựu trong học tập. Ở giai đoạn này, chủ thể cần đầu tư nhiều thời gian, công sức cũng như các nguồn lực để đạt được mục tiêu đề ra ban đầu.

### Phân loại động lực

Động lực được phân chia thành 2 loại chính là động lực nội sinh (*Extrinsic Motivation*) và động lực ngoại sinh (*Intrinsic Motivation*). Động lực nội sinh (hay nói cách khác là nội động lực) có thể được tạo ra từ nội tại chính bản thân chủ thể; trong khi đó, động lực ngoại sinh (ngoại động lực) lại do ngoại cảnh, tác nhân bên ngoài tác động lên chủ thể để tạo thành.

Tất cả các loại động lực khác nhau đều được phân loại về một trong hai nhóm nội sinh hoặc ngoại sinh. Nội động lực đề cập đến niềm vui, sự hài lòng mà việc tham gia hoạt động mang lại. Quay lại với ví dụ về bạn

sinh viên kể trên, nội động lực chính là niềm đam mê, sự thoải mái khi thu được những kiến thức, kỹ năng mà quá trình học tập mang lại. Trái ngược với nó, ngoại động lực liên quan đến sự ảnh hưởng của môi trường học tập như giảng viên, tài liệu, bối cảnh, môi trường học tập, nhiệm vụ học tập, ... góp phần ảnh hưởng đến động lực bên trong của người học trên con đường thu nhận kiến thức.

Nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng: Người học có nội động lực thường có sự thôi thúc từ bên trong, tham gia vào việc học vì lợi ích riêng của họ và sự thích thú mà việc học mang lại. Trong khi, người học có ngoại động lực thường có xu hướng tham gia việc học vì yêu cầu của nhiệm vụ học tập nhiều hơn là vì sự yêu thích, say mê nhiệm vụ đó. Chính vì vậy, khi tham gia, người học thường cảm thấy bị áp lực phải làm hơn là thực sự muốn tham gia; do đó, động lực học tập của người học dễ dàng mất đi khi không chịu sự tác động từ bên ngoài. Rõ ràng là, nội động lực thể hiện rõ và tạo ra nhiều lợi ích tiềm năng hơn so với ngoại động lực.



Động lực (nguồn Internet)

### Vai trò của động lực trong việc học nói chung và học Nghề nói riêng

Động lực có vai trò rất quan trọng bởi nó tham gia vào tất cả các khía cạnh của đời sống. Trong học tập, động lực quyết định hành vi của mỗi người, nó giúp người học phát huy được tính sáng tạo, tích cực trong học tập. Động lực không chỉ giúp người học thực hiện tốt việc học của mình mà còn là yếu tố đóng vai trò then chốt, quyết định

trong quá trình tự rèn luyện, hoàn thiện bản thân mỗi người.

Động lực trong học tập giúp học sinh, sinh viên nâng cao chất lượng cũng như thời lượng, cường độ học tập. Không dừng lại ở đó, động lực nội sinh và ngoại sinh còn có ảnh hưởng hết sức tích cực đến tinh thần và thái độ học tập của người học. Khi có động lực, người học sẽ học tập hăng say, cống hiến hết mình cho hoạt động nghiên cứu, tìm tòi, thực hành, luyện tập nhằm tăng sự hiểu biết, đào sâu kiến thức, nắm vững chuyên môn, thuần thục kỹ năng, kỹ xảo. Nếu không có động lực thì sớm hay muộn, người học cũng có thể bị nhàm chán, nản lòng dẫn đến xa rời mục tiêu ban đầu, tìm đến những “sự lựa chọn dễ dàng hơn”; thậm chí là bỏ cuộc, từ bỏ mục tiêu trước những khó khăn, áp lực gặp phải trong quá trình học tập.

Đặc biệt đối với sinh viên học Nghề, ngoài đam mê, để có được thành công thì động lực học tập điều không thể thiếu. Đam mê khiến bạn lựa chọn con đường đi riêng cho mình – một con đường khó khăn và chông gai hơn rất nhiều những con đường dẫn đến cổng trường Đại học - nhưng chính động lực mới là thứ giúp bạn duy trì được ngọn lửa đam mê ấy, bám lấy Nghề, sống với Nghề đến cùng. Sở dĩ tại sao người viết lại đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của động lực đối với sinh viên học nghề? Bởi lẽ học nghề có những khó khăn vất vả cả riêng mà chỉ những người trong nghề mới hiểu được.

Trước tiên phải kể đến quan niệm và suy nghĩ của xã hội về chuyện học nghề. “*Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng*”. Từ lâu, theo cách nghĩ của người Việt, trường nghề luôn đứng dưới 1 bậc so với trường đại học; người ta tìm đến “nguyện vọng 2” này khi không đạt được sự lựa chọn thứ nhất – điều này không nói ra nhưng mọi người đều tự ngầm hiểu. Học nghề đi đôi với hình ảnh lao động chân tay, làm thợ, người làm công. Còn học đại học? - Tương lai tươi sáng đang đón

chờ bạn với những công việc đầy hấp dẫn như bác sỹ, kỹ sư, quản lý, lãnh đạo...những suy nghĩ này, trong thời đại hiện nay, cũng không phải là ít – dù cho con số này đã biến đổi ít nhiều do sự gia tăng của tỷ lệ cử nhân đại học thất nghiệp hàng năm. Như vậy, ngay từ lúc chưa bắt đầu việc học, người lựa chọn học nghề đã phải “đổi mặt” với những định kiến, với quan điểm “hà khắc”, với áp lực của xã hội. Bởi vậy, người học phải có động lực mới đủ kiên trì, bền bỉ đi đến thành công, để dám đi ngược lại với tâm lý đám đông, để chứng minh rằng quan niệm ấy là sai lầm: xét đến cùng thì không phải việc học Đại học cũng chỉ để ra trường tìm một cái Nghề mà làm hay sao?

Tiếp theo, là tấm áo màu hồng mang tên “làm tưởng mộng mơ” mà người ta vô tình khoác lên cô “mannequin” mang tên “Trường nghề”. Người ngoài thường chỉ nhìn thấy hình ảnh hào nhoáng, “lung linh” của những “masterchef”, thấy bảng lương cao ngất của những “chef de partie”, “supervisor”, “GM”, thấy những cô “front office” áo dài thướt tha, phấn son tươi cười, nhẹ nhàng đón khách mà không thấy những giọt mồ hôi, những đêm thức trắng làm ca, không thấy đôi chân sưng tấy, mỗi như sau 8 tiếng đứng liên tục, thấy áp lực căng thẳng đến nghẹt thở giờ cao điểm khi khách giục đồ ăn hay những lúc phải “nuốt nước mắt” ngược vào trong để tươi cười ngay cả khi khách phàn nàn về dịch vụ, thậm chí nổi nóng, mắng mỏ. Và ngay chính bản thân người học, một bộ phận không nhỏ, khi chọn nghề mình theo đuổi cũng không hình dung ra hết được những vất vả, khó khăn mình sẽ phải đổi mặt, những điều mình sẽ phải “đánh đổi”. Vì lẽ đó, không ít các bạn sinh viên không vượt qua được cú sốc ban đầu (thường là sau khoảng thời gian thực tế tại doanh nghiệp) đã dễ dàng bỏ cuộc.

Đó là lý do tại sao động lực lại trở thành yếu tố đặc biệt quan trọng với học sinh, sinh viên học nghề. Song song với lòng yêu nghề, động lực giúp người học tăng thêm nội lực, thôi thúc

họ phần đầu, tiến về phía trước, giúp họ luôn giữ vững mục tiêu và tìm mọi cách vượt qua rào cản, khó khăn để đi đến đích.

Động lực được sinh ra từ cảm xúc, bắt nguồn từ cảm xúc. Nhưng nó không phải là thứ cảm xúc chung chung, trừu tượng khó nắm bắt và gọi tên, mà nó có định hướng và mục tiêu cụ thể. Khi đã biết hướng đi và đích đến, người ta dễ dàng tìm ra cách thức để đạt được mục tiêu ấy.

### **Tạo động lực trong việc dạy và học Nghề**

Những nghiên cứu về việc tạo động lực cho người lao động, cho cán bộ, công chức, cho lao động quản lý... thì khá phong phú về số lượng, nhưng làm thế nào để tạo động lực cho người học, mà cụ thể là đối tượng học nghề thì vẫn chưa được nhiều chuyên gia dành nhiều thời gian tìm hiểu và nghiên cứu kỹ.

Nền tảng của động lực là cảm xúc, do đó, muốn tạo ra động lực trong việc học thì phải tạo ra cảm xúc tích cực cho người học khi tham gia hoạt động học tập.

Như đã nói ở trên, động lực có thể do chủ thể tự tạo ra cho mình hoặc do ngoại cảnh, tác nhân bên ngoài tác động mà tạo thành. Bằng những việc đơn giản như: tìm ra điều thú vị, cái hay của ngành học, xác định được lợi ích của việc học nghề, nhìn ra được những tiềm năng, cơ hội mà việc học mang lại người học, qua đó, tìm ra động lực học tập cho bản thân.



Việc tìm hiểu và nắm rõ ngành nghề mình theo học là điều cần thiết, giúp người học hình dung được những thuận lợi và khó khăn khi theo học và theo đuổi nghề, đồng thời họ cũng xác định và vạch ra được “lộ trình học tập” phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cho riêng mình. Đây cũng là thao-tác-cần-có ban đầu để giữ vững quyết tâm, lấy lại động lực trong quá trình học. Do đó, công tác hướng nghiệp trong tuyển sinh giữ một vai trò hết sức quan trọng. Nó cung cấp cho người lựa chọn học nghề cái nhìn đúng đắn, đầy đủ nhất về nghề nghiệp trong tương lai của các em. Hướng nghiệp trong nhà trường, gia đình và ngoài xã hội đều phải được trú trọng như nhau, và đều phải dựa trên 02 yếu tố cốt lõi là năng lực và sở thích của người được hướng nghiệp.



Một cách thức tạo động lực khác cho người học đến từ các tác động bên ngoài như: môi trường học tập, điều kiện học tập, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, cũng cho thấy những kết quả hết sức ấn tượng. Các cơ sở đào tạo không những chỉ chú trọng vào việc đầu tư kỹ về cơ sở vật chất, phương tiện, đồ dùng

dạy học mà còn nên đặt mình vào vị trí người học để có thể hiểu rõ được suy nghĩ, tâm tư tình cảm của các em; từ đó phát triển những hoạt động ngoại khoá đi kèm như: hoạt động Đoàn, các câu lạc bộ, thư viện, các khoá học kỹ năng mềm, giới thiệu việc làm thêm, tham gia vào các dự án thực tế, để người học có điều kiện phát triển toàn diện nhất cũng như tạo động lực tích cực, tâm lý thoải mái cho các em khi đến trường. Ngoài ra, người giảng viên cũng cần chú trọng đến các phương pháp giảng dạy nhằm thúc đẩy động lực học tập, tạo sự hứng thú cho người học bởi đó là thước đo đánh giá động lực. Sự động viên, khích lệ của người dạy cũng góp phần tăng động lực tham gia vào các hoạt động của bài học một cách hiệu quả. Động lực có thể được tạo ra từ các yếu tố vô cùng đơn giản nhưng lại tạo nên sự thúc đẩy mạnh mẽ bên trong mỗi con người khi họ tham gia vào hoạt động thực tiễn đó.



Thư viện Trường Cao đẳng Du lịch Huế



Trung tâm thực hành Khách sạn Villa Huế

Tóm lại, để tạo ra động lực, con người phải biết kích hoạt những cảm xúc mạnh mẽ, tích cực và hướng chúng tới một lợi ích hay một mục tiêu cụ thể nhằm khai thác tối đa những tiềm năng, năng lực học tập của người học. Khi đã hiểu rõ những nguyên tắc có thể tạo động lực cho mình, bạn sẽ hiểu rõ những nguyên tắc có thể tạo động lực cho người khác và ngược lại.

#### Tài liệu tham khảo:

- [1]. Atkinson, J. W. (1964), *Achievement Motivation*, Princeton.
- [2]. Denhardt, Robert B (2002), *Motivating yourself and others. Managing Human behavior in Public and Nonprofit Organizations*, Sage Publications, Chap 6, Pp 151-175.
- [3]. Dornyei, Z. (2002), *Teaching and researching motivation*, Essex Pearson Education Limited, England.
- [4]. Littman, R .A (1958), *Motives, history and cause*, Vol 6.
- [5]. Maslow, Abraham. H. (1943), *A Theory of Human Motivation*, Psychological Review, Vol. 50, No. 4, pp.370-396,